

Số: 134 /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác dân số và phát triển tỉnh Thái Nguyên năm 2026

Căn cứ Luật Dân số ngày 10/12/2025; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới; Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030”; Kế hoạch số 330/KH-BYT ngày 26/02/2026 của Bộ Y tế về việc xây dựng Đề án “Chuyển đổi số trong lĩnh vực Truyền thông dân số đến năm 2030”; Hướng dẫn số 1097/BYT-CDS ngày 14/02/2026 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện công tác dân số năm 2026; Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW; Đề án số 14-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển y tế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030;

Trên cơ sở tổng hợp, tham mưu của Sở Y tế tại Tờ trình số 2016/TTr-SYT ngày 24/3/2026, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Duy trì mức sinh thay thế; giảm tỷ số giới tính khi sinh, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; đẩy mạnh hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thích ứng với già hoá dân số; chú trọng giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu và nâng cao chất lượng dân số để góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và Nhân dân công tác phối hợp triển khai thực hiện công tác dân số trong tình hình mới. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả công tác dân số năm 2026 trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Bám sát các chủ trương, định hướng của Trung ương và của tỉnh; phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương; gắn các chỉ tiêu công tác dân số với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời xác định rõ tiến độ, giải pháp và nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Kế

hoạch. Chú trọng quan tâm ưu tiên triển khai tại các địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường xã hội hóa trong công tác dân số.

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Chỉ tiêu cơ bản

- Tỷ lệ tăng dân số: $> 1\%$.
- Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh): $\geq 74,6$ tuổi.
- Tỷ số giới tính khi sinh (SRB): ≤ 114 bé trai/100 bé gái.
- Tổng tỷ suất sinh (TFR): 2,1 con.

2. Chỉ tiêu chuyên môn

- Điều chỉnh mức sinh: $+ 0,1\%$ so với năm 2025.
- Tỷ số giới tính khi sinh (SRB): Giảm 3 điểm phần trăm so với năm 2025.
- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: 52%.
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 4 bệnh (*Down, Edward, Patau, Thalassemia*): 45%.
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đủ 5 bệnh (*suy giáp bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh*): 60%.
- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm: 82%.
- Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trong năm: 95.000 người (*Có biểu phân bố chỉ tiêu chi tiết gửi kèm Kế hoạch*).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành

a) Nội dung:

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công tác dân số trong tình hình mới; thường xuyên rà soát, cập nhật, xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả các chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân số.
- Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành các cơ chế, chính sách về dân số; quan tâm chỉ đạo kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác dân số và phát triển cấp tỉnh, cấp xã nhằm tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình triển khai các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực dân số và phát triển.
- Thường xuyên rà soát, kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp để góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu

cầu cải cách hành chính.

- Triển khai kịp thời, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035; giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý, chủ trì thực hiện Chương trình.

b) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, UBND cấp xã.

c) Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Bảo đảm mức sinh thay thế

a) Nội dung:

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia, thực hiện thông qua các hình thức đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng như: Xây dựng các chuyên trang, chuyên đề trên báo giấy, báo điện tử; sản xuất, tổ chức các chương trình tọa đàm, giao lưu trực tuyến; đăng tải video clip, cung cấp các ấn phẩm tuyên truyền, vận động về điều chỉnh mức sinh phù hợp các địa bàn, đối tượng... Trong đó, tập trung tuyên truyền Luật Dân số; Hướng dẫn số 15-HD/UBKTTW ngày 20/3/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW ngày 22/11/2022 về thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

- Thực hiện tốt cuộc vận động mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc; nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con, phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi.

- Tổ chức triển khai Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình tại cơ sở gắn với nâng cao chất lượng dân số năm 2026, đồng thời đảm bảo phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tế.

b) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, UBND cấp xã.

c) Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Từ quý II đến quý IV/2026.

3. củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

a) Nội dung:

- Thực hiện kịp thời, hiệu quả Quyết định số 134/QĐ-BYT ngày 19/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Phiếu giám sát tình hình cung cấp dịch vụ KHHGĐ của Trạm Y tế xã tại địa phương; Quyết định số 160/QĐ-CDS ngày 18/7/2024 của Cục trưởng Cục Dân số ban hành Phiếu giám sát cộng tác viên dân số về tuyên truyền, tư vấn và cung cấp biện pháp tránh thai tại cộng đồng.

- Ưu tiên đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung

cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ); tăng cường công tác tư vấn, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ thuật nhằm đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGĐ; ưu tiên địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mở rộng các hình thức cung cấp phương tiện tránh thai (PTTT), dịch vụ KHHGĐ phù hợp cho các nhóm đối tượng tại các cơ sở y tế theo hướng thường xuyên, nhất là các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGĐ thân thiện cho vị thành niên, thanh niên; tổ chức các chiến dịch, khám lưu động tại cộng đồng, chú trọng gói khám phụ khoa, dự phòng vô sinh, tầm soát sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung cho các đối tượng khó tiếp cận, ở các địa bàn trọng điểm, khu/cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì, vận hành ổn định Hệ thống thông tin quản lý hậu cần PTTT và cung cấp dịch vụ KHHGĐ (LMIS).

b) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, UBND cấp xã.

c) Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Từ quý II đến quý IV/2026.

4. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

a) Nội dung:

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; lồng ghép nội dung kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh vào hoạt động chuyên môn có liên quan của các cơ quan, đơn vị, tổ chức; đưa nội dung về mất cân bằng giới tính vào hương ước, quy ước của thôn, xóm, tổ dân phố...

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao ý thức của đội ngũ cán bộ ngành y - dân số, người cung cấp dịch vụ y tế có liên quan để không lạm dụng khoa học - công nghệ thực hiện các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, thông báo tiết lộ, giới tính thai nhi (*trừ trường hợp do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định để phục vụ chẩn đoán và điều trị các bệnh liên quan đến giới tính*). Thường xuyên tổ chức kiểm tra các cơ sở cung cấp dịch vụ siêu âm, nạo phá thai; các cơ sở sản xuất, kinh doanh sách, báo, văn hoá phẩm về thực hiện các quy định của pháp luật về nghiêm cấm tuyên truyền phổ biến phương pháp tạo giới tính thai nhi, lựa chọn giới tính thai nhi.

- Đẩy mạnh, triển khai các chiến dịch, sự kiện truyền thông nhằm nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Nghiên cứu, triển khai các mô hình hỗ trợ đối với gia đình sinh con một bé là gái,

đặc biệt trong chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh cho người cao tuổi chỉ có con gái... nhằm tạo chuyển biến, thay đổi quan niệm tư duy “trọng nam”.

- b) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, UBND cấp xã.
- c) Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- d) Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh

a) Nội dung:

- Triển khai đồng bộ, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 theo quy định để góp phần nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng về vai trò, tầm quan trọng của việc tầm soát, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh.

- Duy trì triển khai kỹ thuật sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại các cơ sở y tế, mở rộng thực hiện sàng lọc đủ mặt bệnh thuộc gói dịch vụ cơ bản: Sàng lọc trước sinh (4 bệnh) và sàng lọc sơ sinh (5 bệnh) theo các Quyết định, Thông tư¹ của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Triển khai cung cấp dịch vụ theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật sàng lọc trước sinh, sơ sinh trên địa bàn; tổ chức đào tạo, tập huấn cung cấp kiến thức, kỹ năng chuyên môn về sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho đối tượng y bác sỹ, người làm công tác dân số tại cơ sở.

- b) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, UBND cấp xã.
- c) Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- d) Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6. Tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn

a) Nội dung:

- Triển khai cung cấp dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật về khám sức khỏe trước khi kết hôn thực hiện theo Quyết định số 3472/QĐ-BYT ngày 07/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn chuyên môn về tư vấn khám sức khỏe trước kết hôn.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng truyền thông, tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn và cho đối tượng y bác sỹ và người làm công tác dân số; đẩy mạnh truyền thông, tư vấn tại cộng đồng và tổ chức hoạt động cung cấp dịch vụ

¹ Gồm: Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 về việc ban hành hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017.

tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại cơ sở.

- Tổ chức lồng ghép hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn vào các hoạt động chuyên môn của cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế.

b) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, UBND cấp xã.

c) Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

a) Nội dung:

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 203.

- Tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng; cung cấp kiến thức, kỹ năng, tư vấn, hướng dẫn người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe; phát triển, duy trì hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào hoạt động của câu lạc bộ liên thế hệ và các loại hình câu lạc bộ khác của người cao tuổi; duy trì, phát triển, mạng lưới tình nguyện viên, người tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào các nội dung, hoạt động khác của người cao tuổi.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi; tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi ở các xã vùng sâu, vùng xa.

- Nghiên cứu, xây dựng, phát triển các loại hình chăm sóc sức khỏe, trung tâm dưỡng lão/cơ sở chăm sóc người cao tuổi tại nhà/tại cộng đồng theo hình thức phù hợp; tiến tới xã hội hóa thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Phấn đấu thành lập khoa lão khoa trong các bệnh viện đa khoa để người cao tuổi được chăm sóc sức khỏe chuyên sâu. Ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

b) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế; Hội Người cao tuổi tỉnh; UBND các xã, phường.

c) Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

8. củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số

a) Nội dung:

- Thực hiện hiệu quả Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thu thập, cập nhật thông tin dân số vào sổ A0 và kho dữ liệu chuyên ngành dân số; duy trì, vận hành, quản trị, khai thác thông tin số liệu, hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích và lập báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

- Thường xuyên rà soát, đối chiếu dữ liệu trong kho dữ liệu chuyên ngành dân số và kiểm tra, giám sát, thẩm định thông tin số liệu chuyên ngành.

b) Đơn vị chủ trì, thực hiện: Sở Y tế.

c) Đơn vị phối hợp: UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện công tác dân số và phát triển tỉnh Thái Nguyên năm 2026 được bố trí từ: Nguồn ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp hiện hành; Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035; nguồn xã hội hóa, nguồn kinh phí hợp pháp khác (*nếu có*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành tỉnh

1.1. Nhiệm vụ chung: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và Kế hoạch của UBND tỉnh, các đơn vị chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp thực hiện lồng ghép trong công tác chuyên môn đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

1.2. Nhiệm vụ cụ thể:

a) Sở Y tế:

- Căn cứ nội dung Kế hoạch, chủ trì tham mưu, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định; trên cơ sở các quy định của Luật Dân số, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và điều kiện thực tế của tỉnh, chủ động tham mưu, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, UBND tỉnh nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Dân số, bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nâng cao hiệu quả công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên, nhân viên y tế thôn/bản/xóm và người cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình về: Kiến thức và kỹ năng thu thập thông tin, xử lý, khai thác, lưu trữ số liệu dân số; quản trị vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số; các ứng dụng về hệ thống thông tin chuyên ngành dân số....

- Tổ chức các hoạt động truyền thông về công tác dân số² bằng nhiều hình thức khác nhau như: Chiến dịch, tuyên truyền, phát hành tài liệu, băng rôn, tờ rơi, xây dựng phóng sự... chú trọng công tác truyền thông trên nền tảng số.

- Nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét ban hành chính sách khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Hướng dẫn chuyên môn và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao về công tác dân số; tham mưu, đề xuất sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện công tác dân số và phát triển theo quy định.

b) Sở Tài chính: Trên cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, đồng thời, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính thẩm định dự toán, tổng hợp và tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cân đối bố trí kinh phí triển khai thực hiện theo phân cấp ngân sách và đảm bảo phù hợp theo các quy định của pháp luật.

c) Sở Tư pháp chủ động phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan trong việc cung cấp thông tin, biên soạn tài liệu tuyên truyền về công tác dân số; trợ giúp pháp lý cho Nhân dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa theo quy định.

d) Công an tỉnh phối hợp với Sở Y tế trong công tác tuyên truyền; quản lý, khai thác, sử dụng và thống nhất dữ liệu dân số định kỳ hằng quý, năm bảo đảm đồng bộ, chính xác.

đ) Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y tế:

- Công bố số liệu dân số trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ về số liệu toàn tỉnh, làm cơ sở phục vụ công tác đánh giá, xây dựng và triển khai quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Quản lý, khai thác, sử dụng và thống nhất dữ liệu dân số (*bao gồm: dữ liệu dân cư, số liệu thống kê dân số và dữ liệu hộ tịch*) theo định kỳ.

e) Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Y tế tham mưu cấp có thẩm quyền thường xuyên củng cố tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác dân số các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số của tỉnh thống nhất, liên tục, thực hiện hiệu quả tại địa phương.

² Hưởng ứng ngày Thalassemia Thế giới (08/5); Ngày tránh thai Thế giới (26/9); Tháng hành động vì Người cao tuổi Việt Nam (tháng 10); Ngày Quốc tế Người cao tuổi (01/10); Ngày Quốc tế trẻ em gái (11/10); Ngày Dân số thế giới (11/7); Kỷ niệm 65 năm Ngày truyền thông dân số Việt Nam (26/12/1961-26/12/2026); Tháng hành động Quốc gia về dân số (tháng 12).

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, địa phương trong việc tham mưu tiêu chí, quy trình và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

f) Sở Giáo dục và Đào tạo

Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, giới tính, tăng cường giáo dục thể chất, nâng cao thể lực của học sinh; phối hợp thực hiện lồng ghép đưa nội dung giáo dục dân số và phát triển vào chương trình giáo dục trong và ngoài nhà trường.

g) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tăng cường các hoạt động hướng dẫn lồng ghép các nội dung về công tác dân số trong tình hình mới với công tác gia đình và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; phát huy vai trò của hương ước, quy ước cộng đồng, dòng tộc và các hoạt động văn hóa, văn nghệ trong tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân số.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin báo chí, đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân số trên phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở.

h) Báo và Đài Phát thanh Truyền hình Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế thực hiện tuyên truyền sâu rộng, đa dạng hình thức về công tác dân số và phát triển; xây dựng phóng sự, đưa tin về các hoạt động nổi bật về công tác dân số trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng tin, bài, chuyên trang, chuyên mục, góp phần tạo sự đồng thuận và nâng cao nhận thức trong Nhân dân về công tác dân số trong tình hình mới.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Chỉ đạo các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ:
(i) Chủ động phối hợp, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động các cán bộ, hội viên, đoàn viên và Nhân dân tham gia thực hiện chính sách pháp luật về dân số; (ii) Tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan.

- Phối hợp lồng ghép nội dung công tác dân số và phát triển với các cuộc vận động, phong trào do Ủy ban MTTQ Việt Nam phát động; chỉ đạo, phân công nhiệm vụ của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trong thực hiện giám sát và phản biện xã hội đối với việc tổ chức thực hiện công tác dân số nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện công tác dân số trên địa bàn. Đồng thời, giám sát việc thực hiện chính sách, chế độ liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân trong lĩnh vực dân số.

3. Đề nghị Trường Chính trị tỉnh: Lồng ghép các nội dung về công tác dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn...cho phù hợp.

4. UBND các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, các địa phương chủ động xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế; hoàn thành

các chỉ tiêu kế hoạch công tác dân số theo mục I của Kế hoạch này và các Quyết định của UBND tỉnh³ (trong đó: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các biện pháp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; thích ứng với già hoá dân số và nâng cao chất lượng dân số...).

- Tiếp tục kiện toàn, tăng cường hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo Dân số và phát triển xã, phường; củng cố mạng lưới cộng tác viên dân số và nhân viên Y tế thôn, bản... đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện các hoạt động của công tác dân số và phát triển tại địa phương.

- Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai các hoạt động dân số và phát triển theo kế hoạch, chỉ tiêu được giao; lồng ghép các nhiệm vụ liên quan đến công tác dân số trong các chương trình, đề án, dự án, chương trình mục tiêu quốc gia...; quản lý, cập nhật dữ liệu dân cư và các chỉ số dân số theo quy định.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân số trên địa bàn; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm công tác dân số; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá các chương trình, đề án về dân số và phát triển.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác dân số và phát triển tỉnh Thái Nguyên năm 2026. Căn cứ nhiệm vụ được giao, yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế tổng hợp) để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Nhất);
- UBND TQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Trường Chính trị tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (đ/c Hà);
- Lưu: VT, KGVX (Nhưng)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nông Quang Nhất

³ Gồm: Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026; Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 về việc điều chỉnh Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

**BIỂU PHÂN BỐ CHỈ TIÊU BIỆN PHÁP TRÁNH THAI HIỆN ĐẠI
NĂM 2026 CHO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG**

(Kèm theo Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 03/ 4 /2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Đơn vị	Số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại trong năm 2026					
		Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tiêm tránh thai	Thuốc uống tránh thai	Bao cao su tránh thai	Tổng số người mới sử dụng BPTT hiện đại trong năm
1	Phường Phan Đình Phùng	300	28	135	1.657	2.210	4.330
2	Phường Linh Sơn	310	8	90	1.059	1.383	2.850
3	Phường Tích Lương	260	15	92	1.093	1.320	2.780
4	Phường Gia Sàng	280	20	60	840	1.000	2.200
5	Phường Quyết Thắng	195	4	36	625	970	1.830
6	Phường Quan Triều	250	20	92	868	1.000	2.230
7	Xã Tân Cương	192	20	45	673	640	1.570
8	Xã Đại Phúc	280	25	115	1.210	1.100	2.730
9	Xã Đại Từ	240	15	95	740	640	1.730
10	Xã Đức Lương	132	7	83	318	220	760
11	Xã Phú Thịnh	160	5	48	567	420	1.200
12	Xã La Bằng	175	5	27	523	530	1.260
13	Xã Phú Lạc	186	7	63	654	370	1.280
14	Xã An Khánh	165	5	46	384	420	1.020
15	Xã Quân Chu	110	5	44	330	311	800
16	Xã Vạn Phú	180	4	30	611	475	1.300
17	Xã Phú Xuyên	223	5	98	583	511	1.420
18	Phường Phở Yên	250	20	82	850	368	1.570
19	Phường Vạn Xuân	250	20	90	948	972	2.280
20	Phường Trung Thành	135	20	60	100	75	390
21	Phường Phúc Thuận	135	15	50	575	545	1.320
22	Xã Thành Công	160	20	55	780	415	1.430
23	Xã Phú Bình	150	25	80	875	950	2.080
24	Xã Diềm Thụy	300	30	132	519	799	1.780
25	Xã Tân Thành	137	12	45	806	700	1.700
26	Xã Kha Sơn	200	12	333	665	890	2.100
27	Xã Tân Khánh	135	10	52	429	474	1.100
28	Xã Đồng Hỷ	200	10	35	689	916	1.850

29	Xã Quang Sơn	80	8	36	330	346	800
30	Xã Trại Cau	80	8	42	507	313	950
31	Xã Nam Hòa	80	3	46	430	441	1.000
32	Xã Văn Hán	80	2	36	619	563	1.300
33	Xã Văn Lãng	85	2	32	368	213	700
34	Phường Sông Công	90	5	10	700	695	1.500
35	Phường Bá Xuyên	90	5	18	590	597	1.300
36	Phường Bách Quang	110	9	18	796	867	1.800
37	Xã Phú Lương	150	10	100	842	1.148	2.250
38	Xã Vô Tranh	150	15	86	866	883	2.000
39	Xã Yên Trạch	95	12	55	658	480	1.300
40	Xã Hợp Thành	85	10	32	385	288	800
41	Xã Định Hóa	75	10	85	930	500	1.600
42	Xã Bình Yên	75	8	33	702	282	1.100
43	Xã Trung Hội	48	8	52	484	158	750
44	Xã Phượng Tiến	32	3	43	452	270	800
45	Xã Phú Đình	25	3	43	215	164	450
46	Xã Bình Thành	25	3	32	396	174	630
47	Xã Kim Phượng	30	3	25	310	182	550
48	Xã Lam Vỹ	25	2	35	310	128	500
49	Xã Võ Nhai	30	5	55	500	510	1.100
50	Xã Dân Tiến	30	3	90	663	514	1.300
51	Xã Nghinh Tường	25	2	16	343	214	600
52	Xã Thần Sa	40	2	40	218	100	400
53	Xã La Hiên	25	2	52	280	291	650
54	Xã Tràng Xá	25	2	150	420	253	850
55	Xã Sáng Mộc	15	3	25	200	57	300
56	Phường Bắc Kạn	30	5	15	562	888	1.500
57	Phường Đức Xuân	25	5	15	540	715	1.300
58	Xã Phong Quang	15	3	50	130	102	300
59	Xã Phú Thông	15	2	110	250	223	600
60	Xã Cẩm Giàng	15	2	92	245	246	600
61	Xã Bạch Thông	15	2	150	500	183	850
62	Xã Vĩnh Thông	15	2	52	175	106	350
63	Xã Chợ Mới	15	3	42	505	335	900
64	Xã Thanh Thịnh	15	2	30	280	173	500
65	Xã Tân Kỳ	15	2	48	260	125	450
66	Xã Thanh Mai	15	2	53	218	112	400
67	Xã Yên Bình	15	3	22	225	135	400

68	Xã Chợ Đồn	20	2	62	165	151	400
69	Xã Yên Phong	10	2	23	130	85	250
70	Xã Nghĩa Tá	10	2	15	185	38	250
71	Xã Yên Thịnh	10	2	26	70	42	150
72	Xã Quảng Bạch	10	2	57	30	21	120
73	Xã Nam Cường	10	2	55	109	74	250
74	Xã Đồng Phúc	15	2	42	380	181	620
75	Xã Côn Minh	10	2	15	95	98	220
76	Xã Cường Lợi	10	2	18	70	80	180
77	Xã Na Rì	15	2	42	220	221	500
78	Xã Trần Phú	10	2	22	150	116	300
79	Xã Văn Lang	8	2	15	30	55	110
80	Xã Xuân Dương	10	2	62	280	146	500
81	Xã Ngân Sơn	8	2	46	350	244	650
82	Xã Bằng Vân	10	2	55	100	133	300
83	Xã Thượng Quan	10	3	30	57	30	130
84	Xã Hiệp Lực	10	2	52	110	126	300
85	Xã Nà Phặc	10	2	400	90	98	600
86	Xã Ba Bể	10	2	135	220	333	700
87	Xã Chợ Rã	15	2	75	320	288	700
88	Xã Phúc Lộc	10	2	65	273	200	550
89	Xã Thượng Minh	10	3	35	260	242	550
90	Xã Bằng Thành	12	5	232	350	201	800
91	Xã Nghiên Loan	12	1	255	432	100	800
92	Xã Cao Minh	10	5	200	300	235	750
Toàn tỉnh		7.870	630	6.213	42.151	38.136	95.000